TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 71/2025/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 11 tháng 04 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2025, về việc *"Ly hôn"*, giữa:

* Nguyên đơn: Ông **Lê Văn Q**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số A, đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

* Bị đơn: Bà **Trần Thị Thùy A**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số A, đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, Điều 81, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 04 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 04 năm 2025 là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn Q và bà Trần Thị Thùy A đều có yêu cầu thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn Q và bà Trần Thị Thùy A.

2.2. Về con chung: Hai bên thỏa thuận bà Trần Thị Thùy A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 04 con chung cháu Lê Quang M, Lê An N, Lê Vi K, Lê Thị Tú Q. Ông Q cấp dưỡng 19.000.000 đồng/04 con/01 tháng, tính từ tháng 04/2025 cho đến khi các con 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án,bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Ông Lê Văn Q nhận chịu số tiền 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Lê Văn Q đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000606 ngày 11 tháng 03 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Ông Lê Văn Q đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện Đ;
- Thi hành án huyện Đ;
- UBND TT L;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Yến Như